TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1115/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

2. Ông **Huỳnh Văn Sơn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 171/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Văn V**, sinh năm 1987. (có mặt)

Thường trú: 35/5B Tổ G, Ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Mạch Thị Thanh L**, sinh năm 1989. (có mặt)

Thường trú: 17/5B Tổ A, Ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn V trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, ông Phan Văn V và bà Mạch Thị Thanh L đã tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 257, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên nhà chồng địa chỉ: C Tổ G, Ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng chung suy nghĩ, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Khoảng năm 2020, ông V từng có ý định nộp đơn xin ly hôn nhưng đã suy nghĩ lại vì con còn nhỏ, muốn cho bà L cơ hội sửa đổi, hàn gắn để cho con có đầy đủ cha mẹ. Tuy nhiên, bà L vẫn không thay đổi và còn xảy ra cãi vã to tiếng, có thái độ không tôn trọng đối với mẹ của ông V khiến gia đình thêm bất hòa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Ông V và bà L đã ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Ông V xác định giữa hai bên chỉ còn nghĩa vụ, trách nhiệm chung với các con cái, tình cảm vợ chồng dành cho bà L đã trở nên lạnh nhạt, không còn yêu thương, tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, ông V yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông V và bà L có 02 con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 26/7/2018 và Phan Gia L1, sinh ngày 02/11/2022. Sau ly hôn, ông V đồng ý giao trẻ B, trẻ L1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Phan Gia B 2.500.000 đồng/tháng và trẻ Phan Gia L1 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ B, trẻ L1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, đơn trình bày sự việc, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được và tại phiên tòa, bị đơn bà Mạch Thị Thanh L trình bày:

Bà Mạch Thị Thanh L và ông Phan Văn V có tổ chức lễ cưới và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 257, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên nhà chồng. Thời gian đầu, bà L cảm thấy cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, hai bên không có mâu thuẫn. Ông V làm việc ở phòng tập gym và làm việc ở nhà, còn bà L mở Công ty và đi làm bên ngoài với mức lương 15.000.000 đồng/tháng.

Khoảng tháng 02/2024, ông V và bà L mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mẹ của ông V bênh vực người hàng xóm rồi xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với bà L rồi mẹ của ông V đã đuổi bà L ra khỏi nhà. Đến ngày 28/02/2024, khi Tòa án gửi Giấy triệu tập thì mẹ của ông V yêu cầu bà L dọn đồ ra khỏi nhà. Bà

L đã về nhà xin lỗi mẹ của ông V và xin được quay trở về nhà ở chung nhưng ông V và mẹ của ông V không đồng ý.

Ông V và bà L đã ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Hiện bà L và các con đang sinh sống tại nhà cha mẹ của bà L địa chỉ: A Tổ A, Ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nhận ra sai lầm, đang cố gắng sửa chữa nhưng hiện ông V vẫn chưa đồng ý. Bà L cho rằng giữa vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, có đôi lần bất đồng quan điểm nhưng chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Do đó, bà L không đồng ý ly hôn với ông V và mong muốn Tòa án giải thích động viên, tạo điều kiện để hai bên được đoàn tụ và có đủ điều kiện chăm lo cho các con.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông V và bà L có 02 con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 26/7/2018 và Phan Gia L1, sinh ngày 02/11/2022. Trong trường hợp ông V vẫn cương quyết ly hôn thì bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, trẻ L1 và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Phan Gia B 7.000.000 đồng/tháng và trẻ Phan Gia L1 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ B, trẻ L1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà L xác định trong thời kỳ hôn nhân ông V và bà L có tạo lập được khối tài sản chung của vợ chồng nhưng thông tin, số lượng tài sản cụ thể là bao nhiêu thì bà L không rõ. Bà muốn được chia 1.000.000.000 đồng để mua căn nhà nhỏ, nhưng tại phiên toà chưa có đơn yêu cầu do chưa có tài liệu chứng cứ để cung cấp.

- Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, trở về chung sống với nhau nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn có chung sống với nhau và đã đăng ký kết hôn ngày 15/12/2024 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H theo Giấy chứng nhận đăng kí kết hôn số 02/2015 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Từ tháng 02/2024 hai vợ, chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Bị đơn khai nhận có đóng góp vào quá trình tạo lập tài sản chung nhưng không nói rõ là tài sản nào, đóng góp như thế nào, đóng góp bao nhiêu. Mặt khác bị đơn cũng không nộp bất cứ chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu chia tài sản chung do đó không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn.

Nợ chung: Khai không có nên không xem xét.

Về con chung: Có 02 con chung Phan Gia B sinh ngày 26/7/2018; Phan Gia L1, sinh ngày 02/11/2022, nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, hiện 02 trẻ đang sống cùng bị đơn, bị đơn có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên giao 02 con chung là trẻ B, L1 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cấp dưỡng 5.000.000 đồng/Tháng/02 trẻ cho đến khi hai trẻ đủ 18 tuổi.

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phan Văn V với bị đơn bà Mạch Thị Thanh L là "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ: A Tổ A, Ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn V và bà Mạch Thị Thanh L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 257, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/2015 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Văn V với bà Mạch Thị Thanh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Phan Văn V.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Văn V xin được ly hôn với bà Mạch Thị Thanh L do vợ chồng không cùng chung suy nghĩ, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Khoảng năm 2020, ông V từng có ý định nộp đơn xin ly hôn nhưng đã suy nghĩ lại vì con còn

nhỏ, muốn cho bà L cơ hội sửa đổi, hàn gắn để cho con có đầy đủ cha mẹ. Tuy nhiên, bà L vẫn không thay đổi và còn xảy ra cãi vã to tiếng, có thái độ không tôn trọng đối với mẹ của ông V khiến gia đình thêm bất hòa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông V và bà L đã ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Ông V xác định giữa hai bên chỉ còn nghĩa vụ, trách nhiệm chung với các con cái, tình cảm vợ chồng dành cho bà L đã trở nên lạnh nhạt, không còn yêu thương, tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Mạch Thị Thanh L thừa nhận có xảy ra sự việc mâu thuẫn cãi vã với mẹ của ông V, còn giữa vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn, có đôi lần bất đồng quan điểm nhưng chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Bà L cho rằng vẫn còn yêu thương ông V, không đồng ý ly hôn, mong muốn Tòa án giải thích động viên, tạo điều kiện để hai bên được đoàn tụ và có đủ điều kiện chăm lo cho các con yêu cầu được đoàn tụ.

Khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

"4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù bà L xin đoàn tụ nhưng cho tới phiên toà ngày 24/7/2024 vẫn chưa có được phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông V vẫn giữ nguyên ý kiến cương quyết xin ly hôn với bà L vì vợ chồng ông đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn thương yêu nhau không thể hàn gắn được và hiện tại cả hai đã ly thân không còn sống chung từ tháng 02/2024 đến nay. Ông V trình bày nếu ông và bà L có thể hàn gắn được thì ông đã cùng bà L dọn ra ngoài sống không cần sự đồng ý của mẹ ông.

Hiện tại ông V và bà L chỉ còn nghĩa vụ, trách nhiệm chung với các con, ông cũng dành phần lớn thời gian chăm sóc con. Trong thời gian sống ly thân, bà L không có biện pháp hay phương án cụ thể nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, giữa ông V với bà L chỉ có trao đổi thông tin với nhau về việc chăm sóc, giáo dục con chung. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, động viên để các bên đoàn tụ nhưng không thành, ông V vẫn giữ nguyên ý kiến cương quyết xin ly hôn với bà L vì mâu thuẫn vợ chồng đã không thể giải quyết được.

Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng ông V và bà L hiện đã không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của ông V và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Phan Văn V và bà Mạch Thị Thanh L có 02 con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 26/7/2018 và Phan Gia L1, sinh ngày 02/11/2022. Sau ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, trẻ L1 và ông V cũng đồng ý giao trẻ B, trẻ L1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy bà L có nơi cư trú và công việc, thu nhập ổn định, ông V cũng đồng ý giao 02 con cho bà L nuôi dưỡng. Để ổn định môi trường sống, phát triển tâm sinh lý và quyền lợi về mọi mặt của 02 trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ B, trẻ L1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng:

Ông Phan Văn V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Phan Gia B 2.500.000 đồng/tháng và trẻ Phan Gia L1 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ B, trẻ L1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Bà Mạch Thị B1 Lịch yêu cầu ông Phan Văn V cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Phan Gia B 7.000.000 đồng/tháng và trẻ Phan Gia L1 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ B, trẻ L1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng ít nhất bằng 2/3 mức lương cơ sở và không được thấp hơn 30% mức thu nhập bình quân của người có nghĩa vụ cấp dưỡng trong 06 tháng liền kề. L2 tối thiểu hiện nay theo quy định tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc vùng I lương tối thiểu là 4.960.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V xác định hiện đang làm việc tại phòng tập gym với mức lương là 10.000.000 đồng/tháng. Bà L đưa ra mức yêu cầu ông V cấp dưỡng tổng cộng là 12.000.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng của ông V là bao nhiêu nên không có cơ sở để xem xét.

Xét mức cấp dưỡng mà ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông V và nhu cầu thiết yếu của trẻ B, trẻ L1, căn cứ các Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông V về mức cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Phan Gia B 2.500.000 đồng/tháng và trẻ Phan Gia L1 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ B, trẻ L1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3.4] Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phan Văn V xác định hai bên đương sự không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Mạch Thị Thanh L xác định hai bên đương sự trong thời kỳ hôn nhân có tạo lập được khối tài sản chung của vợ chồng nhưng thông tin, số lượng tài sản cụ thể là bao nhiêu thì bà L không rõ. Bà L trình bày muốn được chia một phần tài sản chung là 1.000.000.000 đồng nhưng không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết trong vụ án này.

Trường hợp giữa hai bên đương sự không thể thống nhất được với nhau và phát sinh tranh chấp, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn" tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

[3.5] Về nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của hai bên đương sự là không có nợ chung.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn V.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn V được ly hôn với bà Mạch Thị Thanh L.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 26/7/2018 và Phan Gia L1, sinh ngày 02/11/2022.

Giao trẻ Phan Gia B và trẻ Phan Gia L1 cho bà Mạch Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trẻ B, trẻ L1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Phan Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Phan Gia B 2.500.000 đồng/tháng và trẻ Phan Gia L1 2.500.000 đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ B, trẻ L1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Mạch Thị Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phan Văn V không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của hai bên đương sự không có nợ chung.

[2] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Phan Văn V phải chịu là 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0024002, ký hiệu: BLTU/23P ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phan Văn V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng ông Phan Văn V phải chịu là 300.000 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- UBND xã Xuân Thới Thượng, H. Hóc Môn, TP. HCM (GCNKH số 257, quyển số 02/2015, ngày 15/12/2015);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Hồng Hải